

Lesson 1: 中級中国語会話(病院で)

youko 老師

	狀況	台灣語・中国語	拼音	日本語
25	看護師	抽血檢查	chōu xiě jiǎn chá	血液検査
26	看護師	尿液檢查	niào yè jiǎn chá	尿検査
27	看護師	請把尿液裝到杯子這邊	qǐng bǎ niào yè zhuāng dào bēi zi zhè biān	カップにこれぐらい おしっこを取って下さい
28	看護師	X光檢查	X guāng jiǎn chá	レントゲン検査
29	医師	請打開嘴巴 請將舌頭伸出來	qǐng dǎ kāi zuǐ bā qǐng jiāng shé tou shēn chū lái	口を開けて 舌を出してください